

Số: 155/2025/QĐST- HNGĐ

Đông Đa, ngày 12 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

*Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;
Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016
của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản
lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Bà Bùi Lê N**, sinh năm 1983;

Căn cước công dân số 001183055xxx;

Đăng ký thường trú: Tổ A phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- **Ông Vũ C**, sinh năm 1976;

Căn cước công dân số 001076007xxx;

Đăng ký thường trú: Tổ G cụm A K, quận T, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tình cảm: Bà Bùi Lê N và ông Vũ C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2007 tại Đại sứ quán nước C1 tại Nhật Bản cấp (số E; Quyền số 02).

Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại Nhật Bản đến năm 2010 thì về Việt Nam cư trú cho đến nay. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Bà N, ông C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: Bà N, ông C xác nhận có 02 con chung là Vũ Thanh A (nữ), sinh ngày 14/5/2009; Vũ Thanh T (nữ), sinh ngày 29/8/2010. Bà N, ông C thống nhất: Ly hôn bà N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Bà N, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Bà N, ông C xác nhận không có.

[5] Lệ phí: Bà N, ông C thống nhất để bà Na chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Xét thấy: Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về nội dung hòa giải đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa **bà Bùi Lê N và ông Vũ C.**

2. Con chung: Xác nhận bà N, ông C có 02 con chung là Vũ Thanh A (nữ), sinh ngày 14/5/2009; Vũ Thanh T (nữ), sinh ngày 29/8/2010.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N, ông C: Giao cả hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Ông C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản): Bà N, ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Nợ chung: Bà N, ông C đều xác nhận không có, nên không xét.

5. Lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự để bà Na chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm; Bà N tự nguyện chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp trực tuyến theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 1183055583 ngày 28/02/2025 (mã tham chiếu G22.99.7-250228693282s, mã cơ quan thu: 006.01.13.G15).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Hà